TẬP ĐOÀN **BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM** **VIỄN THÔNG ĐIỆN BIÊN** Số: 2930/QĐ-VNPTĐB-KTĐT	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Điện Biên, ngày 28 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự án : Quang hóa truyền dẫn cho các trạm BTS: Tìa Mùng, Tào Xa, Háng Tàu 2 - VNPT Điện Biên năm 2026

GIÁM ĐỐC VIỄN THÔNG ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 9 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ quyết định số 103/QĐ-VNPT-HĐTV-TCCB ngày 13/06/2011 về việc thành lập Viễn thông Điện Biên; Quyết định số 190/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 01/10/2015 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viễn thông Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-VNPT-HĐTV-KHĐT ngày 29/10/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc ban hành Quy chế phân cấp và ủy quyền quyết định dự án đầu tư của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;

Căn cứ Quy chế lựa chọn nhà thầu đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn đầu tư của Tập đoàn BCVT Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 221/QĐ-VNPT-HĐTV-KHĐT ngày 07/10/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn BCVT Việt Nam;

Căn cứ Quyết định 879/QĐ-VNPT-KHDT ngày 18 tháng 8 năm 2026 của Tổng Giám đốc Tập đoàn BCVT Việt Nam Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2026;

Căn cứ tờ trình đề xuất triển khai dự án : Quang hóa truyền dẫn cho các trạm BTS: Tìa Mùng, Tào Xa, Háng Tàu 2 - VNPT Điện Biên năm 2026 ngày 19/8/2026 của Phòng Kỹ thuật Đầu tư đã được Giám đốc VNPT Điện Biên chấp thuận;

Căn cứ Hồ sơ dự án: Quang hóa truyền dẫn cho các trạm BTS: Tìa Mùng, Tào Xa, Háng Tàu 2 - VNPT Điện Biên năm 2026 do Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bưu chính viễn thông lập và Báo cáo kết quả thẩm định dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu của VNPT Điện Biên;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kỹ thuật Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Quang hóa truyền dẫn cho các trạm BTS: Tìa Mùng, Tào Xa,

Háng Tàu 2 - VNPT Điện Biên năm 2026, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Quang hóa truyền dẫn cho các trạm BTS: Tìa Mùng, Tào Xa, Háng Tàu 2 - VNPT Điện Biên năm 2026

2. Loại, nhóm dự án, loại, cấp công trình chính:

- Loại, nhóm dự án: Hạ tầng kỹ thuật, nhóm C.
- Loại, cấp công trình: Hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: Tại khu vực xã Tìa Dình, Xa Dung, Mường Luân tỉnh Điện Biên

4. Người quyết định đầu tư: Bùi Việt Hoàng - Giám đốc

5. Chủ đầu tư: Viễn thông Điện Biên

6. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Bưu chính viễn thông

7. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Chuyển đổi phương thức truyền dẫn cho trạm BTS Tìa Mùng, Tào Xa, Háng Tàu 2 từ truyền dẫn Viba sang truyền dẫn quang để cung cấp các dịch vụ gia tăng giá trị của mạng 4G và phát triển thuê bao FTTx, Gpon, MyTv...cho khu vực, đồng thời khép Ring cho trạm RM Co Kham góp phần đảm bảo ATTT trong vận hành và khai thác

8. Quy mô đầu tư xây dựng: Đầu tư kéo mới 32,74 km cáp quang treo KL 24Fo, hàn nối măng xông, ODF, OTB và xây dựng các tuyến cột bê tông ly tâm loại 7m với 651 cột, lắp đặt các vật tư phụ khác (Chi tiết Phụ lục I đính kèm).

9. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: (Chi tiết Phụ lục II đính kèm).

10. Tổng mức đầu tư sau thuế GTGT: 5.648.617.612 đồng.

Bằng chữ: Năm tỷ sáu trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm mười bảy nghìn sáu trăm mười hai đồng.

- *Giá trị trước thuế GTGT. Trong đó:*

Chi phí xây dựng:	4.794.461.513	*đồng*
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	365.067.604	*đồng*
Chi phí khác:	44.651.473	*đồng*
Chi phí dự phòng:	28.102.575	*đồng*
- *Thuế GTGT :*	416.334.447	*đồng*

(Chi tiết như Phụ lục III đính kèm).

11. Thời gian thực hiện: Năm 2026

12. Nguồn vốn : Khấu hao tài sản cố định năm 2026

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT) với nội dung sau:

2.1. Các nội dung không thực hiện thầu:

- Cáp quang và phụ kiện (mua sắm TT) sau thuế GTGT : 921.096.360 đồng
- Dự phòng sau thuế GTGT : 28.102.575 đồng

2.2. Các gói thầu đã thực hiện:

- Tư vấn Khảo sát, lập BCKTKT sau thuế GTGT: 264.265.230 đồng.

2.3. Các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Chi tiết Phụ lục IV đính kèm.

2.4. Các gói thầu/phần công việc chưa đủ điều kiện lập KHLCNT (Các gói thầu/phần công việc có giá trị nhỏ hơn 100 triệu đồng): Chi tiết Phụ lục V đính kèm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng/phó các phòng quản lý, Trung tâm hạ tầng và các đơn vị chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4
- Lưu: VT, KTKH, KTĐT

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 5600175850 - C.T.I.N.H.H
VIỄN THÔNG ĐIỆN BIÊN
TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Bùi Việt Hoàng

Phụ lục I : HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 2930/QĐ - VNPTĐB - KTĐT ngày 28 tháng 9 năm 2026)

STT	Hạng mục công việc chính	ĐVT	Số lượng
1	Xây dựng tuyến cột treo cáp		
	Trồng mới cột bê tông ly tâm. Loại 7m	cột	651
2	Xây dựng tuyến cáp quang treo		
	Ra kéo cáp quang treo KL 24Fo	km	32,74

Phụ lục II : DANH MỤC CÁC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN CHỦ YẾU ÁP DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 2930/QĐ - VNPTĐB - KTĐT ngày 28 tháng 9 năm 2026)

1. Cáp quang và dây thuê bao quang

- Quyết định số 2145/QĐ-VNPT-CNM ngày 29/12/2015 của VNPT về việc ban hành Yêu cầu kỹ thuật đối với dây thuê bao quang và cáp quang FTTx
- Quyết định 865/QĐ-VNPT-CNM ngày 26/7/2018 của VNPT về việc ban hành Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp quang có dung lượng ≤ 48FO
- Quyết định số 1247/QĐ-VNPT-CNM ngày 18/10/2018 của VNPT về việc ban hành Yêu cầu kỹ thuật đối với dây thuê bao quang vỏ bọc kim loại
- Quyết định số 855/QĐ-VNPT-CN ngày 24/07/2018 của VNPT về việc ban hành Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp quang dung lượng 6FO
- Quyết định số 379/QĐ-VNPT-CN ngày 02/4/2019 của VNPT về việc ban hành Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp quang có dung lượng ≤ 24FO
- Công văn số 433/VNPT-CN ngày 31/01/2019 của VNPT về việc Bổ sung, điều chỉnh YCKT đối với cáp quang FTTx

2. Măng sông, tủ/hộp cáp và splitter quang

- Quyết định số 756/QĐ-VNPT-CN ngày 17/7/2020 của VNPT về việc ban hành Yêu cầu kỹ thuật đối với măng sông cáp quang
- Văn bản số 5261/VNPT-CN ngày 24/7/2023 của VNPT về Các yêu cầu kỹ thuật điều chỉnh, bổ sung cho măng sông quang
- Quyết định số 871/QĐ-VNPT-VN ngày 31/10/2023 của VNPT về việc ban hành Yêu cầu kỹ thuật đối với hộp đấu nối quang vỏ kim loại: OTB và Splitter
- Quyết định số 984/QĐ-VNPT-VN ngày 09/11/2023 của VNPT về việc ban hành Yêu cầu kỹ thuật đối với hộp đấu nối quang vỏ nhựa: OTB và Splitter

3. Cột bê tông treo cáp

- TCCS 01-2009/VNPT về tiêu chuẩn kỹ thuật cột bê tông treo cáp thông tin của VNPT ban hành ngày 22/04/2009

4. Công trình mạng truy nhập cáp quang FTTx-PON và các nội dung liên quan

- Quyết định số 1071/QĐ-VNPT-CN ngày 30/09/2020 của VNPT về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật ngầm hóa mạng ngoại vi
- Quyết định số 150/QĐ-VNPT-CN ngày 24/02/2020 của VNPT về việc ban hành Quy định bảo dưỡng định kỳ mạng ngoại vi và các thành phần hỗ trợ, bảo vệ
- Quyết định số 825/QĐ-VNPT-CN ngày 12/10/2023 của VNPT về việc ban hành Hướng dẫn kỹ thuật thi công mạng truy nhập cáp quang FTTx-PON
- Quyết định số 777/QĐ-VNPT-CN ngày 16/11/2023 của VNPT về việc ban hành Hướng dẫn đo kiểm chất lượng mạng truy nhập cáp quang FTTx-PON
- Quyết định số 863/QĐ-VNPTCN ngày 27/10/2023 của VNPT về việc ban hành Bộ mã quản lý mạng ngoại vi
- Quyết định số 310/QĐ-VNPT-CN ngày 22/04/2024 của VNPT về việc ban hành Hướng dẫn khảo sát và thiết kế các công trình mạng truy nhập cáp quang FTTxPON
- Quyết định số 44/QĐ-VNPT-CN ngày 16/01/2024 của VNPT về việc ban hành Hướng dẫn công tác giám sát thi công và nghiệm thu công trình mạng FTTx-PON
- Quyết định số 499/QĐ-VNPT-CN ngày 15/05/2024 của VNPT về việc ban hành Tiêu chí chất lượng mạng ngoại vi và các biện pháp kiểm soát tuân thủ, đảm bảo chất lượng

5. Tiêu chuẩn quốc gia áp dụng

- TCVN 8071: 2009/BTTTT-Công trình viễn thông-Quy tắc thực hành chống sét và tiếp đất
- TCVN 8665: 2011/BTTTT-Sợi quang dùng cho mạng viễn thông-Yêu cầu kỹ thuật chung
- TCVN 8696: 2011/BTTTT- Mạng viễn thông - Cáp sợi quang vào nhà thuê bao - Yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 8699: 2011/BTTTT- Mạng viễn thông-ống nhựa dùng cho tuyến cáp ngầm Yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 8700: 2011/BTTTT - Cống, bể, hầm, hố, rãnh kỹ thuật và tủ đấu cáp viễn thông - Yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 9070: 2012/BXD-ống nhựa HDPE gân xoắn -Yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 9250: 2012/BTTTT-Trung tâm dữ liệu-Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông
- TCVN 1298: 2016/BTTTT-Mạng viễn thông-Cáp quang bọc chặt dùng trong nhà Yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 11301: 2016/BTTTT - Mạng truy nhập quang thụ động GPON - Lớp tiện ích truyền tải vật lý
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4086 – 85 : An toàn điện trong xây dựng
- Tiêu chuẩn về tải trọng và tác dụng của tải trọng TCVN2737 – 1995
- Tiêu chuẩn về kết cấu thép – tiêu chuẩn thiết kế TCVN5575 – 2012
- Tiêu chuẩn về thiết kế bê tông cốt thép TCVN5574-2012
- Tiêu chuẩn về mạ kết cấu thép TCVN 5408 – 2007
- Tiêu chuẩn về thép các bon cán nóng dùng cho xây dựng TCVN 5709 – 2009
- Tiêu chuẩn về chế tạo và thử nghiệm Bulon TCVN 1916 – 1995
- Tiêu chuẩn kim loại và phương pháp thử TCVN 197 – 2002
- Tiêu chuẩn về thép dùng cho bê tông: TCVN 1651 – 2002
- Tiêu chuẩn TCVN 5847 : 2016 Cột điện bê tông cốt thép ly tâm

6. Quy chuẩn quốc gia áp dụng

- QCVN 33: 2019/BTTTT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông
- QCVN 32: 2020/BTTTT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông
- QCVN 22: 2021/BTTTT - An toàn điện cho các thiết bị đầu cuối kết nối mạng viễn thông và công nghệ thông tin
- QCVN 07: 2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật
- QCVN 132: 2022/BTTTT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện đối với thiết bị đầu cuối viễn thông và công nghệ thông tin
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông QCVN 9:2016/BTTTT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện QCVN 01:2008/BCT
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn ngành khác có liên quan

Phụ lục III : TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Quyết định số 2930/QĐ - VNPTĐB - KTĐT ngày 28 tháng 9 năm 2026)

1.Tổng hợp dự toán

Đơn vị tính: đồng

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ SUẤT	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	**Chi phí xây dựng**	**4.794.461.513**		**383.556.921**	**5.178.018.434**
1	Chi phí xây lắp	2.297.819.513	8%	183.825.561	2.481.645.074
2	Chi phí mua sắm cáp và phụ kiện (mua sắm TT)	852.867.000	8%	68.229.360	921.096.360
3	Chi phí mua sắm cột bê tông (VTT)	1.643.775.000	8%	131.502.000	1.775.277.000
II	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**365.067.604**		**29.205.408**	**394.273.012**
1	Chi phí khảo sát, lập BCKTKT	244.690.028	8%	19.575.202	264.265.230
2	Chi phí giám sát thi công xây dựng	120.377.576	8%	9.630.206	130.007.782
III	**Chi phí khác**	**44.651.473**		**3.572.118**	**48.223.591**
1	Chi phí kiểm toán	44.651.473	8%	3.572.118	48.223.591
IV	**Chi phí dự phòng**	**28.102.575**			**28.102.575**
1	Chi phí dự phòng cho yếu tố phát sinh khối lượng	28.102.575			28.102.575
	TỔNG CỘNG	**5.232.283.165**		**416.334.447**	**5.648.617.612**

2.Chủng loại, khối lượng, đơn giá vật tư chủ yếu.

STT	Chủng loại vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	CQ treo KL 24Fo	km	32,74	25.950.000	849.603.000	Vật tư do Tập đoàn mua sắm tập trung
2	MX treo 24 FO	bộ	8	408.000	3.264.000	Vật tư do Tập đoàn mua sắm tập trung
3	Cột bê tông 7AR-65.II	cột	651	2.525.000	1.643.775.000	VNPT Điện Biên mua sắm cấp cho dự án
	Tổng cộng trước thuế GTGT				**2.496.642.000**	
	Thuế GTGT (8%)				**199.731.360**	
	Tổng cộng sau thuế GTGT				**2.696.373.360**	

Phụ lục IV : KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số 2930/QĐ - VNPTĐB - KTĐT ngày 28 tháng 9 năm 2026)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Viễn thông Điện Biên	Mua sắm cột bê tông	Mua sắm 651 cột bê tông ly tâm 7m	1.775.277.000	Khấu hao tài sản cố định	Chào hàng cạnh tranh (qua mạng)	Một giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Quí IV 2026	Quí IV 2026	Trọn gói	10 ngày	Không áp dụng
2	Viễn thông Điện Biên	Thi công xây lắp	Xây dựng các tuyến cột với 651 cột bê tông ly tâm loại 7m, ra kéo 32,74 km cáp quang treo loại 24Fo	2.481.645.074	Khấu hao tài sản cố định	Chỉ định thầu rút gọn, trong nước	Một giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Quí IV 2026	Quí IV 2026	Trọn gói	55 ngày	Không áp dụng
3	Viễn thông Điện Biên	Tư vấn giám sát	Giám sát thi công xây dựng công trình	130.007.782	Khấu hao tài sản cố định	Chỉ định thầu rút gọn, trong nước	Một giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Quí IV 2026	Quí IV 2026	Trọn gói	55 ngày	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				**4.386.929.856**								

Phụ lục V : CÁC GÓI THẦU/PHẦN CÔNG VIỆC CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN LẬP KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số 2930/QĐ - VNPTĐB - KTĐT ngày 28 tháng 9 năm 2026)

STT	Phần công việc/gói thầu	Giá trị phần công việc/gói thầu cả thuế	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
01	Kiểm toán dự án hoàn thành	48.223.591	Chỉ định thầu rút gọn, trong nước	Quý IV/2026	Hợp đồng trọn gói	10 ngày